

Bản án số: 11/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 19 - 7 - 2024.

V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC DƯƠNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Phương Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Nguyễn Thụy Thu Thủy.

- Ông Dương Văn Nhuận.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Quỳnh Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 01/2024/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐST – HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 11/2024/QĐST-HNGĐ ngày 07/6/2024 và Thông báo mở lại phiên tòa số 13/2024/TB-MPT ngày 28/6/2024, giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Kiều N, sinh năm 1982; nơi cư trú: Số D V, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- **Bị đơn:** Anh Võ Anh N1, sinh năm 1982; nơi cư trú: Số D V, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Ngân hàng N3 – chi nhánh huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1959; cư trú tại: Số A L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

3. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1950; cư trú tại: Số B đường B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn ghi ngày 01 tháng 12 năm 2023; bản tự khai và biên bản lấy lời khai, biên bản lấy lời khai của chị Nguyễn Thị Kiều N trình bày: Chị và anh Võ A Như kết hôn năm 2003 tại Ủy ban nhân dân Phường A1, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện; đến năm 2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng trong quan điểm sống và cách nuôi dạy con cái, vợ chồng không có tiếng nói chung, mâu thuẫn trong kinh tế làm ăn; bản thân chị đã cố gắng nhiều lần nhẫn nhịn và chịu đựng nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

- Về con chung: Chị và anh N1 có ba người con chung, tên là Võ Anh P, sinh ngày 25/12/2004; Võ Thị Anh T1, sinh ngày 28/7/2008 và Võ N2, sinh ngày 09/9/2015. Đối với cháu Võ A P đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Võ Thị Anh T1 và Võ N2, chị tôn trọng ý kiến của các con; nếu các con có nguyện vọng được ở với chị thì chị trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và chăm sóc cho đến khi các con đủ 18 tuổi và chị không yêu cầu anh N1 phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị xác định vợ chồng chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị xác định vợ chồng chị có nợ Ngân hàng N3 – chi nhánh huyện L, tỉnh Lâm Đồng 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng). Khoản nợ này chị xác định được thế chấp bằng tài sản chung của vợ chồng, chị đang thực hiện trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với ngân hàng và chưa đến hạn phải trả nợ gốc nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Tuy nhiên, nếu ngân hàng yêu cầu giải quyết thì chị có yêu cầu được chia đôi số nợ trên, mỗi người trả một nửa.

Ngày 17/01/2024, Ngân hàng N3 – chi nhánh huyện L, tỉnh Lâm Đồng có văn bản số 32/NHNoLD-KH gửi Tòa án, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì sẽ khởi kiện sau.

Ngoài ra, chị còn nợ của bà Nguyễn Thị Thu H, số tiền là 2.000.000.000 đồng và bà Nguyễn Thị T, số tiền là 2.000.000.000 đồng; chị N xác định khoản nợ này là nợ riêng của chị, chị không yêu cầu anh N1 có trách nhiệm trả.

Cả bà Nguyễn Thị Thu H và bà Nguyễn Thị T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án hôn nhân gia đình này.

* Đối với anh Võ Anh N1: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng cho anh N1 theo địa chỉ nơi anh N1 và chị N cư trú. Tuy nhiên, anh N1 không đến Tòa án làm việc nên không có được lời trình bày của anh N1 trong hồ sơ vụ án.

Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho anh N1 biết, để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đồng thời Tòa án cũng không tiến hành hoà giải được, với lý do: Anh Như vắng mặt.

Tại Phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai của Tòa án; còn bị đơn thì vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Dương phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không có ý kiến gì.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho chị Nguyễn Thị Kiều N được ly hôn với anh Võ Anh N1.

Về con chung: Đối với con chung là Võ Anh P, sinh ngày 25/12/2004, đã trưởng thành nên không đề nghị xem xét. Đề nghị giao 02 con chung là cháu Võ Thị Anh T1, sinh ngày 28/7/2008 và cháu Võ N2, sinh ngày 09/9/2015 cho chị Nguyễn Thị Kiều N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Võ A Như không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung: Khoản nợ của Ngân hàng N3 – chi nhánh huyện L, tỉnh Lâm Đồng; khoản nợ của bà Nguyễn Thị Thu H, bà Nguyễn Thị T; cả Ngân hàng, bà H, bà T, cũng như chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Kiều N phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kiều N đối với anh Võ Anh N1 là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình. Bị đơn là anh Võ Anh N1, cư trú tại huyện L (theo kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạc Dương, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt (bị đơn vắng mặt lần thứ 2, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt) nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 53 quyền số 01/2003, ngày 03 tháng 11 năm 2003 của A1, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Kiều N và anh Võ Anh N1 là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kiều N: Theo kết quả xác minh của Tòa án về nơi cư trú của anh N1 tại Công an thị trấn L, huyện L, tổ trưởng tổ dân phố Đ thì: Anh Võ Anh N1 đăng ký thường trú tại tổ dân phố Đ,

thị trấn L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Chị N xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng trong quan điểm sống và cách nuôi dạy con cái, vợ chồng không có tiếng nói chung, mâu thuẫn trong kinh tế làm ăn, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa; thỉnh thoảng anh N1 đi về thăm con và góp một số ý kiến đối với việc gia đình; lời trình bày của chị N là phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án.

Xét thấy, mâu thuẫn trong hôn nhân giữa chị N và anh N1 đã trầm trọng, chị N cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở để xem xét.

[4]. Về con chung: Theo chị N trình bày, chị và anh N1 có ba người con chung, tên là Võ Anh P, sinh ngày 25/12/2004; Võ Thị Anh T1, sinh ngày 28/7/2008 và Võ N2, sinh ngày 09/9/2015; lời trình của chị N phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án. Đối với cháu Võ A P đã đủ 18 tuổi chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Còn cháu Võ Thị Anh T1 và Võ Nguyễn h đang ở với chị N, cần giao cháu T1 và cháu N2 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục và chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi, phù hợp với nguyện vọng của các cháu; chị N không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận nội dung này.

[5]. Về tài sản chung: Chị N xác định vợ chồng tự thỏa thuận tài sản chung nên không có yêu cầu; về phía anh N1, không có lời khai nên Hội Đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về nợ chung: Chị N xác định vợ chồng chị có nợ Ngân hàng N3 – chi nhánh huyện L, tỉnh Lâm Đồng số tiền 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng); khoản vay này được thế chấp bằng tài sản chung của vợ chồng; chị N và Ngân hàng đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với hai khoản nợ của bà Nguyễn Thị Thu H là 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) và khoản nợ của bà Nguyễn Thị T là 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng); chị N xác định đây là nợ riêng của chị. Chị, bà T và bà H đều không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kiều N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các điều 51, 57 và 58 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kiều N: Chị Nguyễn Thị Kiều N và anh Võ Anh N1, được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Thị Anh T1, sinh ngày: 28/7/2008 và cháu Võ N2, sinh ngày: 09/9/2015 cho chị Nguyễn Thị Kiều N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Anh Võ A Như không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kiều N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002024 ngày 02 tháng 01 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Dương (chị N đã nộp đủ).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lạc Dương;
- Chi cục THADS huyện Lạc Dương;
- UBND Phường 11, TP Đà Lạt;
- Các đương sự;
- Lưu AV; HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Phương Dung

